

名稱：外國學生來臺就學辦法

Tên đối tượng: Sinh viên nước ngoài đến Đài Loan du học

第 2 條

具外國國籍且未曾具有中華民國國籍，於申請時並不具僑生資格者，得依本辦法規定申請入學。

Điều 2

Những người có quốc tịch nước ngoài và không có quốc tịch Đài loan và không có bằng cấp Trung Quốc ở nước ngoài tại thời điểm nộp đơn có thể nộp đơn xin nhập học theo quy định này.

第 4 條

外國學生依申請來臺就學，以一次為限。於完成申請就學學校學程後，除申請碩士班以上學程，得逕依各校規定辦理外，如繼續在臺就學者，其入學方式應與我國內一般學生相同。

Điều 4

Sinh viên nước ngoài đến Đài Loan để đăng ký nhập học, chỉ được nhập học một lần. Sau khi hoàn thành khóa học tại trường, ngoài việc đăng ký học thạc sĩ trở lên, khóa học có thể được xử lý theo quy định của từng trường. Nếu bạn tiếp tục học ở Đài Loan, phương thức nhập học phải giống như học sinh trong nước.

第 7-1 條

外國學生所繳入學證明文件有偽造、假借、塗改等情事，應撤銷錄取資格；已註冊入學者，撤銷其學籍，且不發給任何相關學業證明；如畢業後始發現者，應由學校撤銷其畢業資格並註銷其學位證書。

Điều 7-1

Nếu giấy chứng nhận nhập học của sinh viên nước ngoài bị giả mạo, làm giả, thay đổi, v.v., giấy nhập học sẽ bị thu hồi, nếu sinh viên đã được ghi danh, tình trạng sinh viên của sinh viên đó cũng bị thu hồi, và không có giấy chứng nhận học tập liên quan được cấp, nếu được tìm thấy sau khi tốt nghiệp, nó sẽ bị thu hồi bởi trường. Nhà trường sẽ thu hồi bằng tốt nghiệp và hủy bỏ các chứng chỉ bằng cấp.

第 8 條

外國學生已在臺完成學士以上學位，繼續申請入學碩士以上學程者，得檢具我國各校院畢業證書及歷年成績證明文件，依第七條規定申請入學，不受第七條第一項第二款規定之限制。

Điều 8

Sinh viên nước ngoài đã hoàn thành bằng cử nhân trở lên tại Đài Loan và tiếp tục nộp đơn xin nhập học thạc sĩ trở lên có thể được kiểm tra với giấy chứng nhận tốt nghiệp của từng trường và giấy chứng nhận thành tích của những năm trước, và đăng ký nhập học theo Điều 7. Mà không cần tuân theo các quy định tại Khoản 2, Khoản 1 Điều 7.

第 10 條

外國學生不得申請就讀我國大專校院所辦理回流教育之進修學士班、碩士在職專班及其他僅於夜間、例假日授課之班別。但外國學生在臺已具有合法居留身分者或其就讀之班別屬經本部專案核准之課程者，不在此限。

Điều 10

Sinh viên nước ngoài không được phép đăng ký chương trình cử nhân, chương trình thạc sĩ và các lớp học khác được giảng dạy vào ban đêm tại các trường cao đẳng và đại học của Đài loan. Tuy nhiên, sinh viên nước ngoài có tư cách lưu trú hợp pháp tại Đài Loan hoặc có các lớp học được phê duyệt bởi dự án của Bộ không bị giới hạn trong trường hợp này.

第 11 條

大專校院、專科學校五年制、高級中等以下學校之外國學生註冊入學時，未逾該學年第一學期修業期間三分之一者，於當學期入學；已逾該學年第一學期修業期間三分之一者，於第二學期或下一學年註冊入學。但各主管教育行政機關另有規定者，不在此限。

Điều 11

Học sinh đang theo học tại một trường cao đẳng, một trường trung học cơ sở năm năm hoặc cao hơn, không vượt quá một phần ba học kỳ đầu tiên của năm học, và ghi danh trong học kỳ, họ đã vượt quá học kỳ đầu tiên của năm học. Một phần ba học sinh được ghi danh vào năm học thứ hai hoặc năm tới. Tuy nhiên, trừ khi các cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền quy định khác, đây không phải là trường hợp.

第 14 條

各級學校因國際學術合作計畫或其他特殊需求成立外國學生專班者，應依各級學校總量發展規模與資源條件相關規定，經該管主管教育行政機關核轉本部核定。

Điều 14

Các trường ở tất cả các cấp thành lập lớp đặc biệt dành cho sinh viên nước ngoài do kế hoạch hợp tác học thuật quốc tế hoặc các nhu cầu đặc biệt khác phải được Bộ Giáo dục phê duyệt của Bộ Giáo dục và Hành chính theo quy định liên quan về quy mô phát triển và điều kiện tài nguyên của các cấp.

第 15 條

本部為獎勵就讀大專校院優秀外國學生，得設置或補助學校設置外國學生獎學金。

大專校院為鼓勵外國學生來臺就學，得自行提撥經費設置外國學生獎學金、助學金。

Điều 15

Để thưởng cho các sinh viên nước ngoài xuất sắc đang theo học tại các trường cao đẳng và đại học, bộ phận này có thể thành lập hoặc trợ cấp cho các trường để thiết lập học bổng sinh viên nước ngoài. Để khuyến khích sinh viên nước ngoài đến Đài Loan tham dự trường, các trường cao đẳng và đại học phải thành lập quỹ để thành lập học bổng và học bổng sinh viên nước ngoài.

第 21 條

外國學生就學應繳之費用，依下列規定辦理：

- 一、依前二條規定入學者、經駐外機構推薦來臺就學之外交部臺灣獎學金受獎學生及具我國永久居留身分者，依就讀學校所定我國學生收費基準辦理。
- 二、依教育合作協議入學者，依協議規定辦理。
- 三、前二款以外之外國學生，依其就讀學校所定外國學生收費基準，並不得低於同級私立學校收費基準。

Điều 21

Các khoản phí phải trả của sinh viên nước ngoài đi học được xử lý theo các quy định sau:

1. Nhập học vào các học giả theo quy định của hai điều trước, được các cơ quan nước ngoài khuyến nghị đến Đài Loan để học theo học bổng của Bộ Ngoại giao Đài Loan
Học sinh đạt giải thưởng và những người có tình trạng thường trú tại Đài loan, theo cơ sở lệ phí sinh viên do trường quy định
Đã phê duyệt.
2. Theo thỏa thuận hợp tác giáo dục để vào học giả, theo quy định của thỏa thuận.
3. Học sinh từ nước ngoài không phải là hai học sinh đầu tiên không dựa trên học phí nước ngoài do trường quy định.
Nó thấp hơn điểm chuẩn cho các trường tư ở cùng cấp.

第 22 條

外國學生註冊時，新生應檢附已投保自入境當日起至少六個月效期之醫療及傷害保險，在校生應檢附我國全民健康保險等相關保險證明文件。
前項保險證明如為國外所核發者，應經駐外機構驗證。

Điều 22

Khi một sinh viên nước ngoài đăng ký, sinh viên mới sẽ đính kèm bảo hiểm y tế và thương tích đã được bảo hiểm ít nhất sáu tháng kể từ ngày nhập học. Học sinh trong trường phải được kèm theo giấy chứng nhận bảo hiểm có liên quan như bảo hiểm y tế toàn cầu của Đài loan. Nếu giấy chứng nhận bảo hiểm của đoạn trước được cấp bởi nước ngoài, nó sẽ được xác nhận bởi một cơ quan nước ngoài.

第 23 條

外國學生有違反就業服務法之規定經查證屬實者，學校或相關主管機關應即依規定處理。

Điều 23

Nếu một sinh viên nước ngoài vi phạm các quy định của Luật Dịch vụ việc làm và được xác minh là đúng, nhà trường hoặc cơ quan có thẩm quyền có liên quan sẽ xử lý theo quy định.

第 24 條

外國學生有休學、退學或變更、喪失學生身分等情事，學校應通報外交部領事事務局及學校所在地之內政部移民署各服務站，並副知本部。

Điều 24

Sinh viên nước ngoài phải nghỉ học, bỏ học hoặc thay đổi, và mất tư cách. Trường cần thông báo cho Cục lãnh sự của Bộ Ngoại giao và các trạm dịch vụ của Cục quản lý xuất

nhập cảnh của Bộ Nội vụ nơi đặt trường.

第 25 條

主管教育行政機關得視需要對招收外國學生之學校辦理訪視，學校違反本辦法規定者，依相關法令規定處理。

學校未依第二十三條規定處理者，各該主管教育行政機關並得視情形調整招收外國學生名額。

Điều 25

Cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền, theo nhu cầu, sẽ tiến hành các chuyến thăm tới các trường tuyển dụng sinh viên nước ngoài. Nếu trường vi phạm các quy định của các Biện pháp này, sẽ bị xử lý theo các luật và quy định liên quan.

Nếu trường không giải quyết được các quy định tại Điều 23, cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền có thể điều chỉnh số lượng sinh viên nước ngoài được tuyển sinh.